

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Vi điều khiển (22819201)

Ngày thi: 25/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 19...

Số bài thi: ... 19...

Số tờ giấy thi: 34.

T. T. Thanh
 Mark
 NTMLan
 L. Q. Trung
 Nguyễn M. Quang

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122060044	Châu Hoài Anh	25/05/2004	CCQ2206B	01		5.0	4,0	4,4	
2	2122060031	Lê Vinh Bình	06/09/2004	CCQ2206A	02	Bình	5.5	5,0	5,2	
3	2120060069	Phạm Quang	06/12/2002	CCQ2006B			0.0			
4	2122060018	Võ An	08/07/2004	CCQ2206A			0.0			
5	2122060059	Hà Đức	06/02/2004	CCQ2206B			5.0			
6	2122060022	Ngô Hoàng Chiến	23/05/2004	CCQ2206A	02	Chiến	7.8	9,0	8,5	
7	2122170257	Ngô Tấn Đạt	28/10/2004	CCQ2206B			0.0			
8	2122060014	Cao Hoàng Hải	29/07/2004	CCQ2206A	02	Hải	8.3	7,0	7,5	
9	2122060048	Nguyễn Minh Hải	05/05/2004	CCQ2206B	01	Hải	6.0	5,5	5,7	
10	2122060030	Nguyễn Công Hậu	14/01/2003	CCQ2206A	02	Hậu	5.5	5,5	5,5	
11	2122060079	Trương Thiên Hậu	23/08/2004	CCQ2206B			0.0			
12	2122140020	Trần Minh Hiếu	29/09/2004	CCQ2206A	01	Hiếu	5.0	4,5	4,7	
13	2122060066	Nguyễn Hữu Thế Hiếu	11/03/2004	CCQ2206B			0.0			
14	2122060072	Nguyễn Cảnh Hoàng	16/10/2004	CCQ2206A	02	Hoàng	6.0	7,0	6,6	
15	2122060007	Nguyễn Xuân Hoi	11/02/2000	CCQ2206A	02	Hoi	5.5	7,0	6,4	
16	2122060004	Trần Việt Huy	03/07/2004	CCQ2206A	02	Huy	7.3	10	8,9	
17	2122060067	Phạm Bá Khâm	04/08/2004	CCQ2206B	02	Khâm	5.8	5,0	5,3	
18	2121060005	Bùi Thanh Khoa	22/01/2003	CCQ2106A	02	Thanh	8.8	8,5	8,6	
19	2122060040	Nguyễn Đăng Khoa	26/06/2004	CCQ2206B	01	Khoa	5.5	5,5	5,5	
20	2122060080	Nguyễn Đăng Khoa	19/08/2004	CCQ2206B	02	Khoa	6.0	6,0	6,0	
21	2122060021	Nguyễn Minh Khoa	28/05/2004	CCQ2206A			0.0			
22	2122060026	Trần Văn Kiệt	25/11/2004	CCQ2206A	02	Kiệt	5.0	9,0	7,4	
23	2122060065	Trịnh Bá Kiệt	12/05/2004	CCQ2206B			5.3			
24	2122060068	Nguyễn Quốc Lâm	02/08/2004	CCQ2206B	02	Lâm	6.5	5,0	5,6	
25	2122060010	Châu Ngọc Lân	03/03/2004	CCQ2206A	02	Lân	6.5	4,0	5,0	
26	2122060028	Nguyễn Ngọc Lân	20/12/2004	CCQ2206A	02	Lân	5.0	6,0	5,6	
27	2122170227	Thái Lê Duy Lộc	05/08/2004	CCQ2206B			0.0			
28	2122060016	Văn Tấn Lộc	21/08/2004	CCQ2206A	02	Lộc	5.3	7,0	5,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Ng. T. T. Thanh

mark
NTMLan

L. B. Chingun

Nguyễn M. Quang

Môn học: Vi điều khiển (22819201)

Ngày thi: 25/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 19..

Số bài thi: 19..

Số tờ giấy thi: 34.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122060038	Huỳnh Tấn	Lợi	24/10/2004	CCQ2206B		5.5			
30	2122060009	Nguyễn Hoài	Nhân	25/02/2004	CCQ2206A		0.0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Vi điều khiển (22819201)

Ngày thi: 25/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 52

STT	Mã SV	Họ và Tên	Phước	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122060064	Nguyễn Tấn	Phước	22/09/2004	CCQ2206B	2	Phước	5.3	8,5	7,2	
2	2122060019	Thái Ngọc Vũ	Phước	24/08/2004	CCQ2206A	2	Phước	5.5	6,5	6,1	
3	2122060045	Bùi Anh	Quang	05/05/2003	CCQ2206B	2	Quang	5.0	5,5	5,3	
4	2122060001	Lê Vinh	Quang	20/01/2000	CCQ2206A	2	Quang	5.8	5,0	5,3	
5	2122060047	Nguyễn Huy	Quyển	24/08/2004	CCQ2206B	2	Quyển	5.0	7,5	6,5	
6	2122060002	Nguyễn Gia	Quyết	26/01/1999	CCQ2206A	2	Quyết	7.5	7,0	7,2	
7	2121060011	Hà Ngọc	Sáng	22/03/2003	CCQ2106A	2	Sáng	6.3	7,5	7,0	
8	2122060076	Nguyễn Thanh	Sáng	25/05/2004	CCQ2206B	2	Sáng	5.0	4,5	4,7	
9	2122060025	Bùi Thành	Tài	02/06/2003	CCQ2206A	2	Tài	9.5	10	9,8	
10	2122060027	Lê Minh	Tánh	24/07/2004	CCQ2206A	2	Tánh	7.3	7,0	7,1	
11	2122050073	Phan Hữu	Thi	12/12/2004	CCQ2206B	2	Thi	5.5	6,5	6,1	
12	2122060078	Mã Thanh	Thịnh	19/12/2004	CCQ2206B	2	Thịnh	5.8	7,5	6,8	
13	2122150016	Nguyễn Xuân	Thịnh	28/06/2004	CCQ2215B	2	Thịnh	6.3	10	8,5	
14	2122060008	Nguyễn Tấn	Thuận	09/10/2004	CCQ2206A		✓	0.0			
15	2122060060	Lương Thanh	Tiên	04/08/2004	CCQ2206B	2	Tiên	5.8	10	8,3	
16	2122060039	Nguyễn Tấn	Tin	25/03/2004	CCQ2206B		✓	0.0			
17	2122060053	Trần Quốc	Toàn	10/05/2004	CCQ2206B	2	Toàn	6.0	8,0	7,2	
18	2122060082	Trần Thị Ngọc	Trâm	28/02/2004	CCQ2206A	2	Trâm	8.0	10	9,2	
19	2122060050	Trần Nguyễn Ngọc	Tri	10/01/2004	CCQ2206B	2	Tri	5.8	9,0	7,7	
20	2122170099	Nguyễn Hồng	Trung	01/12/2004	CCQ2206B	2	Trung	7.8	9,0	8,5	
21	2122060034	Trần Minh	Trung	05/06/2002	CCQ2206A	2	Trung	5.3	6,0	5,7	
22	2122060056	Nguyễn Đình	Trương	10/08/2004	CCQ2206B	2	Trương	5.3	6,0	5,7	
23	2122060077	Nguyễn Đỗ Lam	Trương	02/11/2004	CCQ2206B	2	Trương	5.8	7,0	6,5	
24	2122060035	Nguyễn Huy	Tuấn	01/01/2004	CCQ2206A	2	Tuấn	5.3	6,0	5,7	
25	2122060011	Nguyễn Thanh	Tuấn	02/08/2004	CCQ2206A	2	Tuấn	6.0	10	8,4	
26	2122060012	Võ Thị Thu	Uyên	29/09/2004	CCQ2206A	2	Uyên	9.0	10	9,6	
27	2122060055	Long Quốc	Viên	17/06/2003	CCQ2206B	2	Viên	6.3	8,5	7,6	
28	2122060083	Lê Nhứt	Vinh	20/10/2003	CCQ2206B		✓	0.0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Vi điều khiển (22819201)

Ngày thi: 25/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 51

[Signature]
Cán bộ coi thi 1

[Signature]
Cán bộ coi thi 2

[Signature]
G.Viên chấm thi 1

[Signature]
G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122060075	Nguyễn Trần Hoàn	Vũ	17/11/2003	CCQ2206A	2	7.3	10	8,9	
30	2122110026	Phạm Anh	Vũ	19/09/2004	CCQ2206A	✓	5.5			